

Số: /TTr - CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
Ngày 18.7.25

TỜ TRÌNH

Xây dựng Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 50 và Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Y tế kính báo cáo Chính phủ Dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi), dự kiến trình Quốc hội vào Kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa XV như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH

Sau 15 năm thực hiện, Luật An toàn thực phẩm (ATTP) đã đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về thực phẩm. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy một số quy định của Luật ATTP đã không còn phù hợp yêu cầu quản lý, tạo ra một số vướng mắc, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng. Vì vậy, việc sửa đổi Luật ATTP để phù hợp với chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng, Nhà nước và giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong thực tiễn là rất cần thiết.

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, trong đó có nhiệm vụ: Bộ Y tế hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, quy định về kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, quản lý rủi ro, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 Ban chấp hành trung ương Đảng Khóa XII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong nhiệm vụ cụ thể có nội dung: “Bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo”.

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/06/2024 của Bộ Chính trị về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025 với quan điểm chỉ đạo: “Nâng cao chất lượng xây dựng

chính sách, pháp luật; trong đó tập trung vào tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế. Sửa đổi đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm các quy định, thủ tục hành chính đơn giản, giảm gánh nặng tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp”.

- Nghị quyết số 158/NQ-CP ngày 03/6/2025 tại Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật với quan điểm chỉ đạo: *“Thống nhất sự cần thiết sửa đổi Luật An toàn thực phẩm nhằm thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về quản lý an toàn thực phẩm trong tình hình mới, cụ thể hóa các quy định về quản lý cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, sản phẩm thực phẩm theo hướng quản lý dựa trên nguy cơ và tạo điều kiện môi trường đầu tư kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm”*

- Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 21/10/2022 của Ban bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới với quan điểm chỉ đạo: *“Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo tổng kết thực hiện Luật An toàn thực phẩm; nghiên cứu kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ trung ương đến địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, an toàn thực phẩm.”*

2. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 15 năm thi hành, Luật An toàn thực phẩm (ATTP) đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện đã phát sinh một số tồn tại, vướng mắc, bất cập như sau:

2.1. Một số quy định còn chưa bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, một số quy định không còn bảo đảm tính khả thi trên thực tiễn.

Để quản lý toàn diện về thực phẩm thì cần có hệ thống pháp luật quản lý đồng bộ về chất lượng, an toàn và kiểm soát hàng giả. Tuy nhiên, hiện nay hệ thống pháp luật quy định kiểm soát chất lượng hàng hóa đang thực hiện theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; kiểm soát ATTP theo quy định của Luật ATTP và kiểm soát hàng giả theo quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Ngoài ra, theo quy định của Luật ATTP thì có 03 Bộ quản lý cùng với 03 hệ thống các thông tư của 03 Bộ: Y tế, Công Thương và Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Một số quy định tại các Thông tư của 03 Bộ chưa thống nhất, đồng bộ.

Quy định các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường không phù hợp với phương thức quản lý về ATTP. Luật ATTP giao Chính phủ quy định cụ thể việc đăng ký bản công bố hợp quy và thời hạn của bản đăng ký công bố hợp quy đối với thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn. Như vậy, tất cả các thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn trước khi lưu thông trên thị

trường phải được đăng ký bản công bố hợp quy. Tuy nhiên, đối với thực phẩm là nhóm sản phẩm đặc biệt với sự đa dạng về hình thức và thể loại, không chỉ cơ quan quản lý ở Việt Nam mà cả quốc tế như Ủy ban Tiêu chuẩn Thực phẩm (Codex) cũng không thể ban hành được đầy đủ các quy chuẩn cho tất cả các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn mà chỉ ban hành được quy chuẩn kỹ thuật đối với một số phân nhóm đặc thù trong thực phẩm như sữa, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt v.v... Vì vậy, việc bắt buộc công bố hợp quy đối với tất cả thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn là không khả thi. Từ năm 2012 khi Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP (Nghị định số 38/2012/NĐ-CP) được ban hành, ngoài thủ tục công bố hợp quy, Chính phủ cũng đã quy định **thủ tục công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm** đối với các sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật để phù hợp với thực tiễn quản lý an toàn thực phẩm, đây cũng là phương thức quản lý chưa được ghi nhận trực tiếp tại Luật ATTP. Đến Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATTP (Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) thay thế Nghị định số 38/2012/NĐ-CP thì phương thức quản lý này được thay đổi bởi thủ tục **tự công bố và đăng ký bản công bố** để giảm bớt thủ tục hành chính, giảm rào cản cho doanh nghiệp và dựa trên phương thức quản lý rủi ro. Các sản phẩm sau khi đăng ký hoặc công bố là được hoạt động vĩnh viễn, không có thời hạn. Theo đó, một số sản phẩm vẫn công bố hợp quy, một số sản phẩm thực hiện tự công bố, các bản công bố này không có thời hạn. Điều này không phù hợp với thực tiễn quản lý ATTP. Và việc quản lý thực phẩm cần dựa trên nguy cơ, đối với những nhóm cần kiểm soát chặt hơn phải có biện pháp quản lý chặt chẽ hơn những nhóm sản phẩm thông thường chứ không nên dựa vào việc có quy chuẩn hay chưa có quy chuẩn.

Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ban hành năm 2007, Luật ATTP ban hành năm 2010 nên một số quy định chưa hoàn toàn phù hợp với thực tiễn quản lý ATTP hiện nay. Ngày 14/6/2025, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15. Trên cơ sở tham khảo Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về chất lượng thực phẩm cần có quy định đặc thù riêng tại Luật ATTP (sửa đổi) để bảo đảm an toàn, chất lượng, sức khỏe của người dân. Trong thời gian vừa qua, Chính phủ đã có hàng loạt chỉ đạo thông qua các Nghị quyết từ năm 2014 đến nay về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Vì vậy, việc đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tạo thông thoáng cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhưng vẫn phải đảm bảo được công tác quản lý là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Chính phủ.

2.2. *Hệ thống quản lý chưa kiểm soát được chất lượng của sản phẩm thực phẩm, đặc biệt là thực phẩm chức năng trong quá trình sản xuất, lưu thông trên thị trường, cụ thể:*

khoản  Điều 2 Luật ATTP: “An toàn thực phẩm là việc bảo đảm để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người”, tương tự như vậy khoản 6 Điều này cũng quy định “điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm là những quy chuẩn kỹ thuật và những quy định khác đối với thực phẩm... nhằm mục đích bảo đảm thực phẩm an toàn đối với sức khỏe, tính mạng con người”. Do vậy, Luật ATTP mới tập trung vào vấn đề an toàn thực phẩm mà ít quan tâm đến vấn đề chất lượng của sản phẩm thực phẩm. Hoạt động kiểm nghiệm đối với sản phẩm phải đăng ký bản công bố chỉ yêu cầu “*Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm ... gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế*” (điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP), không có nội dung nào quy định về việc cần phải kiểm nghiệm các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng sản phẩm.

Luật An toàn thực phẩm được ban hành năm 2010, khi đó nhận thức về thực phẩm chức năng của Việt Nam và thế giới còn hạn chế. Luật quy định về “Thực phẩm chức năng lần đầu tiên ra thị trường” phải có báo cáo hiệu quả công dụng, tuy nhiên Luật ATTP cũng không có khái niệm thực phẩm chức năng lần đầu tiên ra thị trường và không quy định báo cáo thử nghiệm hiệu quả về công dụng, cơ quan hướng dẫn quy định này. Thực tiễn rất khó xác định thế nào là “lần đầu tiên đưa ra thị trường”.

Các cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao khác như: thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi; thực phẩm bổ sung hiện nay chưa có quy định bắt buộc áp dụng Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) hoặc Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000 hoặc Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) hoặc Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC) hoặc Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc chứng nhận tương đương. Tại khoản 4 Điều 4 Luật An toàn thực phẩm 2010 chỉ quy định: Thiết lập khuôn khổ pháp lý và tổ chức thực hiện lộ trình bắt buộc áp dụng hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành vệ sinh tốt (GHP), Phân tích nguy cơ và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP) và các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

2.3. Hệ thống quản lý, mô hình tổ chức bộ máy quản lý về ATTP trên toàn quốc chưa tinh gọn, thống nhất, chưa tương xứng với nhiệm vụ được giao:

Việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước giữa các bộ và địa phương còn khó phân định rõ trách nhiệm ảy ra sự , cụ thể:

(i) Về thực phẩm giả: Điều 64 Luật ATTP quy định Bộ Công Thương chủ trì việc phòng, chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trong lưu thông, kinh doanh thực phẩm mà không quy định việc phối hợp hoặc tham gia trong việc phòng, chống thực phẩm giả của các bộ khác.

(ii) Việc phân chia quản lý sản phẩm thực phẩm theo từng ngành, mỗi ngành quản lý các mặt hàng khác nhau, cụ thể: Điều 62. Trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP của Bộ Y tế, Điều 63. Trách nhiệm quản lý nhà nước về ATTP của Bộ NN và PTNN và Điều 64. Trách nhiệm của Bộ Công thương tại Luật ATTP dẫn đến chưa thống nhất trong quản lý, chưa có cơ quan chịu trách nhiệm chính trong quản lý và khi có sự cố về ATTP, ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng.

2.4. Công tác hậu kiểm, kiểm tra, giám sát sau khi thực phẩm tự công bố và đăng ký bản công bố còn chưa thường xuyên; tình trạng thực phẩm giả, thực phẩm kém chất lượng diễn ra phổ biến gây bức xúc dư luận trong thời gian vừa qua.

2.5. Còn thiếu cơ chế để cơ quan nhà nước thu hồi các giấy chứng nhận đã cấp hoặc tạm dừng cung cấp các dịch vụ công khi tổ chức, cá nhân bị phát hiện vi phạm

Điều 34 và Điều 55 Luật An toàn thực phẩm chỉ quy định 02 trường hợp phải thu hồi: (1) Thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và (2) Thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn. Tuy nhiên, Luật An toàn thực phẩm năm 2010 không ghi nhận việc thu hồi các thủ tục hành chính khác trong lĩnh vực an toàn thực phẩm: (1) thu hồi Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và gỡ bỏ thông tin sản phẩm đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ công bố sản phẩm; (2) thu hồi Giấy xác nhận nội dung quảng cáo và (3) thu hồi, dừng hiệu lực một phần hoặc toàn bộ Quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. Trong trường hợp kể cả hồ sơ công bố sản phẩm dựa trên hồ sơ, giấy tờ giả mạo, không trung thực và hàng giả, hàng chứa chất cấm và hoặc lỗi thuộc về quy trình thẩm định của cơ quan quản lý thì cũng không thu hồi Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm nên chưa tạo tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm.

2.6. Chưa giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký lưu hành khi có vi phạm

Thời gian vừa qua liên tục xảy ra các vụ việc như thực phẩm bổ sung giả, sữa bột giả, thực phẩm bảo vệ sức khỏe giả với quy mô lớn, gây bức xúc dư luận. Thủ tướng Chính phủ đã có 04 Công điện: Công điện số 40/CD-TTg ngày

17/4/2025, 41/CĐ-TTg ngày 17/4/2025, 55/CĐ-TTg ngày 02/5/2025, 65/CĐ-TTg ngày 15/5/2025 và Chỉ thị số 13/CT-TTG ngày 17/05/2025 chỉ đạo Bộ Y tế phối hợp chặt chẽ, cùng với các Bộ, địa phương khẩn trương rà soát các vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung đối với các vấn đề vượt thẩm quyền.

Việc quy định tạm dừng tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký bản công bố khi có vi phạm sẽ góp phần đảm bảo tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật về an toàn thực phẩm.

2.7. Chưa giao Chính phủ thẩm quyền quy định điều kiện cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước và cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng.

2.8. Còn tồn tại một số lỗ hổng trong quản lý các sản phẩm thực phẩm, cơ sở sản xuất thực phẩm.

2.9. Một số sản phẩm có khả năng sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại như caffeine, N_2O ...

2.10. Chưa quy định tổ chức, cá nhân đứng tên công bố sản phẩm là tổ chức, cá nhân kinh doanh, sản xuất thực phẩm và phải chịu trách nhiệm đến cùng về an toàn, chất lượng sản phẩm thực phẩm khi được lưu thông trên thị trường. Trường hợp cơ sở sản xuất không đứng tên công bố phải uỷ quyền cho cơ sở khác và vẫn phải chịu trách nhiệm đến cùng về sản phẩm do cơ sở mình sản xuất.

2.11. Chưa quy định tổ chức, cá nhân phải kiểm nghiệm chỉ tiêu về chất lượng (bên cạnh các chỉ tiêu AP) của sản phẩm khi thực hiện đăng ký lưu hành thực phẩm; thực hiện huỷ gia hạn hiệu lực của giấy tiếp nhận đăng ký công bố sản phẩm; ham gia rong quá trình giám sát hậu kiểm thực phẩm từ sản xuất nhập khẩu đến lưu thông trên thị trường.

2.12. Chưa quy định doanh nghiệp bắt buộc phải đáp ứng quy định về áp dụng các hệ thống quản lý ATTP tiên tiến trong sản xuất (HACCP) đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

1.1. Giải quyết kịp thời các hạn chế, vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật.

1.2 Xác định và đề cao trách nhiệm của cơ quan quản lý, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thực phẩm, nâng cao hiệu quả bảo đảm an toàn và chất lượng sản phẩm thực phẩm.

1.3. Tăng cường công tác hậu kiểm để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm.

1.4. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động về quản lý thực phẩm, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng

2.1. Thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng vào pháp luật, trong đó chú trọng đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; bám sát chủ trương tại Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2.2. Kế thừa các quy định hiện hành, bảo đảm sự đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan về thực phẩm.

2.3. Rà soát bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất và tính khả thi của hệ thống pháp luật; bảo đảm hoàn thiện hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm; tiếp cận tối đa các thông lệ quốc tế cũng như phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2.4. Đổi mới mạnh mẽ quy trình, thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm tối đa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đơn vị.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

Bộ Y tế đã tổ chức xây dựng Dự án Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Thành lập Tổ soạn thảo Luật (Quyết định số 2346/QĐ-BYT ngày 17/7/2025). Đã ban hành kế hoạch thực hiện, quy định nhiệm vụ Tổ soạn thảo.

- Tổ soạn thảo đã tổ chức 02 cuộc họp về nội dung Dự án Luật.

- Rà soát, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật ATTP và nghiên cứu pháp luật về thực phẩm của một số nước trên thế giới;

- Có văn bản số..... gửi TBT xin ý kiến góp ý dự thảo văn bản gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc cho phép xây dựng, trình Luật ATTP (sửa đổi) theo quy trình, thủ tục rút gọn và đề nghị bổ sung Luật ATTP (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng Luật năm 2025;

- Tổ chức các cuộc họp, đối thoại, hội thảo, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Y tế, Trang Thông tin điện tử của Cục An toàn thực phẩm, gửi văn bản xin ý kiến rộng rãi về nội dung dự thảo Luật của các bộ, cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế (AmCham, EuroCham, InCham...), hiệp hội doanh nghiệp hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật, tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia trong nước và nước ngoài về các nội dung lớn, quan trọng của dự án Luật. Các ý kiến đóng góp đã được Tổ soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về:

- a) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.
- b) Điều kiện bảo đảm chất lượng, an toàn đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.
- c) Điều kiện của cơ sở kinh doanh; nhập khẩu và xuất khẩu; kiểm nghiệm.
- d) Phân tích nguy cơ, phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố.
- đ) Thông tin, giáo dục, truyền thông.
- e) Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến an toàn thực phẩm tại Việt Nam.

3. Bố Cục

Dự thảo Luật gồm 51 Điều 11 Chương với những nội dung cơ bản như sau:

Chương I. Những quy định chung (Điều 1 đến Điều 6).

Chương II. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân để bảo đảm điều kiện an toàn thực phẩm (Điều 7 đến Điều 10).

Chương III. Điều kiện bảo đảm an toàn, chất lượng đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm (Điều 11 đến Điều 16).

Chương IV. Điều kiện của cơ sở kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm (Điều 17 đến Điều 21).

Chương V. Nhập khẩu và xuất khẩu thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm (Điều 22 đến Điều 25).

Chương VI. Quảng cáo, ghi nhãn thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ phụ gia thực phẩm (Điều 26 đến Điều 27).

Chương VII. Kiểm nghiệm thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ phụ gia thực phẩm (Điều 28 đến Điều 30).

Chương VIII. Phân tích và quản lý nguy cơ đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ phụ gia thực phẩm (Điều 31 đến Điều 38).

Chương IX. Thông tin, giáo dục, truyền thông về thực phẩm (Điều 39 đến Điều 43).

Chương X. Quản lý Nhà nước về an toàn thực phẩm (Điều 44 đến Điều 49).

Chương XI. Điều khoản thi hành (Điều 50 đến Điều 51).

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

4.1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung chính tại Luật ATTP:

4.1.1. Sửa đổi, bổ sung một số thuật ngữ

Thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, nguyên liệu làm thực phẩm, bán thành phẩm thực phẩm, thực phẩm giả, kiểm nghiệm, thử nghiệm ...

Lý do:

- Sửa đổi, bổ sung các thuật ngữ phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và các hướng dẫn của Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (CODEX).
- Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và một số đơn vị có liên quan.

4.1.2. Sửa đổi, bổ sung một số chính sách phù hợp với thực tiễn

Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thực phẩm liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Phát triển hệ thống thông tin thực phẩm.

Tăng cường quản lý thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát thực phẩm.

Ngoài ra, bổ sung giao Chính phủ quy định chi tiết các chính sách này để đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai trực tiếp.

Lý do:

- Hiện nay việc kinh doanh thực phẩm được thực hiện ngoài các kênh truyền thống thì còn phát triển mạnh trên hệ thống thương mại điện tử. Do vậy, các chính sách tập trung vào việc quản lý việc kinh doanh theo phương thức thương mại điện tử chặt chẽ.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia là cơ sở dữ liệu chung để thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và kiểm soát thực phẩm bảo đảm một đầu mối quản lý.

- Phù hợp với xu thế quản lý chung của thế giới.

4.1.3. Bổ sung một số hành vi nghiêm cấm khi thực hiện quảng cáo, kinh doanh trên môi trường thương mại điện tử

Quảng cáo thực phẩm sai sự thật, gây nhầm lẫn đối với người tiêu dùng; Sử dụng hình ảnh, thiết bị, trang phục, tên, danh nghĩa của các đơn vị, cơ sở y tế, nhân viên y tế, ý kiến của người bệnh, lời nói, bài viết của nhân viên y tế để quảng cáo thực phẩm.

Người chuyển tải sản phẩm quảng cáo là người có ảnh hưởng không công khai mối quan hệ tài trợ khi quảng cáo thực phẩm chức năng, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ dưới 36 tháng tuổi không thuộc trường hợp cấm quảng cáo quy định tại Điều 7 Luật Quảng cáo.

Tiết lộ thông tin người mua hoặc không cung cấp đầy đủ thông tin để truy xuất hàng hóa theo quy định khi thực hiện kinh doanh theo phương thức thương mại điện tử.

Lý do:

- Giải quyết vấn đề bất cập phát sinh trong thực tiễn.
- Tăng cường bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

4.1.4. Sửa đổi, bổ sung mức tiền phạt cụ thể đối với hành vi vi phạm hành chính

Xác định rõ mức phạt tiền tối đa là 200.000.000 đồng đối với cá nhân và 400.000.000 đồng đối với tổ chức trừ trường hợp áp dụng mức phạt cao nhất theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà vẫn còn thấp hơn 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm thì mức phạt được áp dụng không quá 07 lần giá trị thực phẩm vi phạm; tiền thu được do vi phạm mà có bị tịch thu theo quy định của pháp luật.

Lý do:

- Theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản có liên quan về việc đề xuất tăng mức xử phạt vi phạm hành chính.
- Ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp và tham khảo Bộ Luật Hình sự.

4.1.5. Làm rõ quyền và trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, bổ sung quyền và trách nhiệm cơ sở đứng tên đăng ký lưu hành

Quy định cụ thể quyền, trách nhiệm của các cơ sở kinh doanh (bao gồm cơ sở sản xuất và các cơ sở kinh doanh khác).

Bổ sung quyền và trách nhiệm của cơ sở đứng tên đăng ký lưu hành.

Lý do:

- Để phù hợp với khái niệm kinh doanh của Luật Doanh nghiệp và quản lý chặt chẽ đối với từng loại hình kinh doanh.
- Bảo đảm quy định đầy đủ trách nhiệm pháp lý của các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh.

4.1.6. Điều kiện bảo đảm an toàn, chất lượng đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm

Kết cấu lại Chương III về điều kiện bảo đảm an toàn theo hướng:

- Đưa các điều kiện cụ thể đối với từng loại thực phẩm quy định tại Điều 11 trên cơ sở kế thừa các quy định về điều kiện chung đối với thực phẩm và bổ sung các quy định đặc thù đối với từng loại thực phẩm tại Điều này.
- Bổ sung quy định về lưu thông thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm
- Quy định về hình thức, đối tượng cấp, thu hồi giấy lưu hành và tự công bố hoặc hủy bỏ bản tự công bố.
- Giao Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục đăng ký lưu hành và tự công bố, thời hạn hiệu lực.

Lý do:

- Thiết kế lại để bảo đảm chủ trương xây dựng Luật khung và giao thẩm quyền để Chính phủ, các Bộ quy định chi tiết các nội dung quản lý.

- Quy định rõ trách nhiệm của các đối tượng và quy định rõ các trường hợp thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm được phép lưu thông trên thị trường.

4.1.7. Điều kiện của cơ sở kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm

Kết cấu lại Chương IV và Chương V theo hướng:

- Gộp nội dung quy định Chương IV và Chương V thành 1 Chương: Điều kiện của cơ sở kinh doanh thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm.

- Đưa các điều kiện kinh doanh đối với từng loại cơ sở kinh doanh quy định tại 1 Điều trên cơ sở kế thừa các quy định về điều kiện đối với các cơ sở kinh doanh và làm rõ các quy định đặc thù đối với từng loại hình kinh doanh.

- Quy định về cấp gia hạn, thay đổi, bổ sung, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục cấp, gia hạn thay đổi bổ sung và thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Lý do:

- Thiết kế lại để bảo đảm chủ trương xây dựng Luật khung và giao Chính phủ chi tiết.

4.1.8. Điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm và nguyên liệu làm thực phẩm xuất nhập khẩu

- Chuyển điều kiện an toàn đối với thực phẩm nhập khẩu vào quy định chung đối với điều kiện đảm bảo an toàn tại Chương III.

- Bổ sung phương thức, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước về thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm nhập khẩu.

- Quy định các phương thức kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm nhập khẩu; giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai thực tiễn.

Lý do: Thiết kế lại để bảo đảm chủ trương xây dựng Luật khung và giao thẩm quyền để Chính phủ, các Bộ quy định chi tiết các nội dung quản lý.

4.1.9. Quảng cáo và ghi nhãn thực phẩm

- Quy định về quảng cáo thực phẩm phải thực hiện theo quy định của pháp luật về quảng cáo.

- Giao Chính phủ quy định chi tiết về loại thực phẩm phải đăng ký quảng cáo dựa trên đánh giá nguy cơ; thẩm quyền, trình tự thủ tục cấp, thu hồi giấy phép quảng cáo.

- Quy định về ghi nhãn thực phẩm phải thực hiện theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa.

- Giao Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết việc ghi nhãn.

- Giao Chính phủ quy định về in mã vạch, mã QRCode để quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc xuất xứ.

Lý do:

- Thiết kế lại để bảo đảm chủ trương xây dựng Luật khung và Chính phủ quy định chi tiết.

- Để quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc xuất xứ

4.1.10. Kiểm nghiệm thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm

- Thiết kế lại Chương VII theo hướng đưa các quy định về kiểm nghiệm đối với thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm và điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm thành 1 Điều chung.

- Bỏ trách nhiệm của các Bộ trong việc quy định điều kiện đối với cơ sở kiểm nghiệm.

- Bổ sung trách nhiệm của Bộ Y tế trong việc quy định lấy mẫu và tần suất lấy mẫu của cơ sở kiểm nghiệm để kiểm soát chặt chẽ an toàn, chất lượng thực phẩm; nguyên tắc, tiêu chí xác định nhóm nguy cơ.

- Giao Chính phủ quy định các nhóm thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm được quản lý theo nhóm nguy cơ; bổ sung quy định về các đơn vị thực thực giám sát an toàn thực phẩm.

- Sửa đổi quy định các trường hợp thu hồi, xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn theo hướng không quy định cụ thể và giao Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Lý do:

- Thiết kế lại để bảo đảm chủ trương xây dựng Luật khung.

- Làm rõ trách nhiệm của các Bộ trong việc xác định nhóm thực phẩm nguy cơ.

4.1.11. Quản lý nhà nước về thực phẩm

- Xây dựng, sửa đổi trách nhiệm kiểm tra an toàn thực phẩm theo Luật khung, quy định cụ thể trách nhiệm của các Bộ, bỏ quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của cơ quan quản lý thực phẩm và giao Chính phủ quy định về trách nhiệm cụ thể về cơ quan quản lý an toàn thực phẩm.

- Quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của đoàn kiểm tra và bổ sung quy định về nguyên tắc kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm, hình thức, thời hạn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Bổ sung quy định về xử lý chồng chéo trong hoạt động kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm.

Lý do: Bảo đảm thống nhất với quy định tại Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn.

4.2. Các điểm mới so với Luật An toàn thực phẩm

4.2.1. Kinh doanh thực phẩm theo phương thức thương mại điện tử

Bổ sung quy định về điều kiện, quyền và trách nhiệm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm theo phương thức thương mại điện tử.

Lý do: Quy định hành lang pháp lý đối với kinh doanh thực phẩm theo phương thức thương mại điện tử.

4.2.2. Cơ sở đứng tên đăng ký thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm và tự công bố

Bổ sung quyền và trách nhiệm của cơ sở đứng tên đăng ký thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm và tự công bố.

Lý do:

- Luật ATTP 2010 chưa có quy định cụ thể, qua thực tiễn cho thấy khi xảy ra vi phạm chưa có cơ sở pháp lý để yêu cầu cơ sở đứng tên đăng ký lưu hành phối hợp xử lý.

- Tăng trách nhiệm của cơ sở đứng tên đăng ký sản phẩm đối với sản phẩm do chính cơ sở đăng ký.

4.2.3. Về phương thức quản lý sản phẩm

Thay đổi phương thức công bố sản phẩm theo hướng chuyển từ công bố hợp quy sang đăng ký lưu hành hoặc tự công bố cụ thể:

- Thực phẩm bảo vệ sức khỏe; thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ dưới 36 tháng tuổi; thực phẩm bổ sung; bắt buộc áp dụng biện pháp cấp Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm và bổ sung quy định trách nhiệm của chủ sở hữu số đăng ký lưu hành trong việc quản lý sản phẩm trong suốt quá trình từ sản xuất, nhập khẩu đến lưu thông trên thị trường (bao gồm cả nội dung quản lý chất lượng).

- Đối với thực phẩm đã chế biến bao gói sẵn không thuộc các trường hợp phải đăng ký lưu hành; phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tự công bố sản phẩm trước khi lưu thông và phải tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm và ghi nhãn sản phẩm.

Lý do:

- Đã được Chính phủ thông qua chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật ATTP sửa đổi.

- Phù hợp với thực tiễn quản lý.

- Đối với những nhóm cần kiểm soát chặt hơn phải có biện pháp quản lý chặt chẽ hơn những nhóm sản phẩm thông thường.

- Phù hợp với xu thế quản lý chung của thế giới như phương thức quản lý quản lý sản phẩm của Trung Quốc, Canada, Nhật...

4.2.4. Quản lý thực phẩm 1 đầu mối

Bộ Y tế là đầu mối chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ATTP trên phạm vi cả nước và giao các Bộ liên quan phối hợp với Bộ Y tế trong thực hiện quản lý nhà nước về thực phẩm.

Lý do: Thực hiện chỉ đạo của Ban bí thư tại Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, chỉ đạo của Chính phủ về việc giao Bộ Y tế là đầu mối chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ATTP trên phạm vi cả nước.

4.2.5. Quy định về kiểm tra thực phẩm

Bổ nguyên tắc về thanh tra và bổ sung các theo nguyên tắc kiểm tra và hình thức, thời hạn và các hành vi cấm trong hoạt động kiểm tra.

Lý do:

- Để phù hợp với các quy định hiện hành.

- Bổ sung các quy định cụ thể về kiểm tra để đảm bảo thống nhất trong quá trình kiểm tra thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm từ trung ương đến địa phương.

V. TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

1. Về tính thống nhất, đồng bộ

Để đảm bảo tính thống nhất của Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) với các luật có liên quan, Bộ Y tế đã tiến hành rà soát các Luật có mối quan hệ với Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) và đã nêu cụ thể tại Báo cáo kết quả rà soát pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật kèm theo hồ sơ dự án Luật.

2. Về tính phù hợp, khả thi

Dự thảo Luật bảo đảm tính phù hợp, khả thi và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn; cơ bản đã phù hợp, tiếp cận gần hơn với pháp luật quốc tế, phù hợp với các cam kết, hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bên cạnh đó, để đáp ứng với tình hình kinh tế - xã hội, dự thảo Luật cũng giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc trong quá trình triển khai, đặc biệt trong giai đoạn đại dịch COVID-19 xảy ra tại Việt Nam và thế giới.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Sau khi Luật được ban hành, việc tổ chức thi hành tập trung vào các nhiệm

vụ: Ban hành văn bản để quy định chi tiết thi hành, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và tuyên truyền, phổ biến luật; tổ chức thực hiện các biện pháp quy định trong Luật; thanh tra, kiểm tra, giám sát.

1. Về tài chính

Nguồn kinh phí để xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn triển khai thi hành các biện pháp trong luật, thanh tra, kiểm tra, giám sát được thực hiện lồng ghép trong ngân sách chi thường xuyên và thực hiện quy định hiện hành của các hoạt động xây dựng pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật và thanh tra, kiểm tra. Dự kiến chi phí gia tăng ngân sách có thể bảo đảm được (Chi phí xây dựng Nghị định hướng dẫn Luật, sửa đổi một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế có liên quan).

Chỉ cho các biện pháp thực hiện, tuân thủ Luật do cơ quan, tổ chức, người dân có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Luật: Chi phí từ người dân, doanh nghiệp sẽ giảm ở một số nội dung do cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính như ... Việc đánh giá chi phí - hiệu quả cụ thể của từng chính sách, Bộ Y tế đã đánh giá tại Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo hồ sơ dự án Luật này.

2. Về nhân lực

Nhân lực triển khai thực hiện Luật do các Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp bố trí, lồng ghép trong nhân lực hiện hành; tập trung tăng cường chất lượng và hiệu quả nhân lực làm công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện Luật; quản lý thị trường, Thanh tra, Ủy ban nhân dân các cấp.

VII. CĂN CỨ ÁP DỤNG TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN

Căn cứ điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: "Điều 50. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây: “b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn”.

2. Thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn “a) Ủy ban Thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của cơ quan trình quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội”.

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

Trên cơ sở tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các Bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan, Bộ Y tế đã chỉnh lý dự thảo Luật. Tuy nhiên, còn có ý kiến khác nhau, cụ thể như sau:

1. Nội dung 01: Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo hướng tập trung thống nhất một đầu mối

1.1. Đề xuất của Bộ Y tế: Bộ Y tế là đầu mối chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ATTP trên phạm vi cả nước.

a) Tại Trung ương

- **Bộ Y tế:** Chịu trách nhiệm về quản lý ATTP thống nhất trên cả nước đối với thực phẩm tiêu thụ tại nội địa, dự kiến giao cơ quan cấp Cục tham gia quản lý nhà nước về ATTP¹, bao gồm các chức năng:

+ Xây dựng xây dựng chính sách về ATTP: đầu mối xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật về ATTP tại Việt Nam.

+ Tổ chức thực thi các quy định về ATTP thống nhất trên cả nước, bao gồm: quản lý ATTP đối với tất cả thực phẩm lưu thông tại Việt Nam (bao gồm thực phẩm sản xuất nội địa và nhập khẩu); thực hiện các hoạt động về kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về ATTP².

+ Chịu trách nhiệm ban đầu trong xác định các sự cố y tế công cộng có liên quan đến thực phẩm và phối hợp trong ứng phó khẩn cấp sự cố về ATTP với cơ quan cấp Cục có chức năng tổ chức thực thi các quy định về ATTP.

Trên cơ sở đó, Bộ Y tế đề xuất chuyển các chức năng tương đương tại các Cục liên quan tại Bộ NN&MT và Bộ Công Thương về Bộ Y tế để đảm bảo nguyên tắc “một đầu mối” trong nhiệm vụ xây dựng chính sách.

- **Bộ Nông nghiệp và Môi trường:** Chịu trách nhiệm về ATTP đối với khâu sản xuất ban đầu, kiểm dịch động thực vật và sơ chế thực phẩm sản xuất trong nước³; về ATTP đối với thực phẩm xuất khẩu (bao gồm cả các nhiệm vụ liên quan đến phát triển thị trường).

- **Bộ Công Thương:** Phối hợp giám sát ATTP đối với thực phẩm tiêu thụ nội địa và xuất nhập khẩu.

(*) Ngoài ra, để triển khai hiệu quả khả năng phòng ngừa, phát hiện và ứng phó rủi ro của hệ thống, cũng như thực hiện các chương trình kiểm soát mối nguy ATTP ưu tiên dựa trên rủi ro, cần xem xét giao một cơ quan khoa học (có thể độc lập) thực hiện đánh giá rủi ro về ATTP, để từ đó xây dựng các chương trình kiểm

¹ Tham khảo mô hình hỗn hợp.

² Quản lý cơ sở sản xuất thực phẩm; quản lý sản phẩm thực phẩm; quản lý quảng cáo, ghi nhãn thực phẩm; quản lý kiểm nghiệm thực phẩm; phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về ATTP; truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn; thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP.

³ Bao gồm các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác và xử lý ban đầu (sơ chế) các sản phẩm từ các hoạt động này.

soát cơ sở sản xuất, sản phẩm tăng cường dựa trên rủi ro gây ra các sự cố về ATTP; cũng như tăng cường kiểm tra, giám sát chuyên ngành⁴.

b) Các địa phương: Giao UBND cấp tỉnh thực hiện quản lý ATTP thống nhất trên phạm vi địa phương, theo hướng giao Sở Y tế (hoặc Sở An toàn thực phẩm đối với đơn vị thí điểm) là đầu mối chịu trách nhiệm giúp UBND cấp tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn.

1.2. Lý do

- Thực hiện chỉ đạo của Ban bí thư tại Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới, chỉ đạo của Chính phủ về việc giao Bộ Y tế là đầu mối chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ATTP trên phạm vi cả nước.

- Tham khảo mô hình quản lý về an toàn thực phẩm của một số nước trên thế giới.

1.3. Nội dung xin ý kiến: Đơn vị đầu mối và phương thức quản lý

2. Nội dung 02: Thay đổi phương thức công bố sản phẩm

2.1. Đề xuất của Bộ Y tế:

Thay đổi phương thức quản lý công bố hợp quy sang tự công bố và đăng ký lưu hành theo hướng quản lý theo phân loại nguy cơ:

- Nhóm sản phẩm nguy cơ cao và trung bình như thực phẩm bảo vệ sức khỏe; thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt; sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ dưới 36 tháng tuổi; thực phẩm bổ sung... bắt buộc áp dụng biện pháp cấp Giấy đăng ký lưu hành sản phẩm và bổ sung quy định trách nhiệm của chủ sở hữu số đăng ký lưu hành trong việc quản lý sản phẩm trong suốt quá trình từ sản xuất, nhập khẩu đến lưu thông trên thị trường (bao gồm cả nội dung quản lý chất lượng).

- Nhóm nguy cơ thấp như thực phẩm đã chế biến bao gói sẵn không thuộc các trường hợp phải đăng ký lưu hành; phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thì tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tự công bố sản phẩm trước khi lưu thông và phải tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm và ghi nhãn sản phẩm.

⁴ Nhiều quốc gia trên thế giới đang áp dụng cách tổ chức này: Trung Quốc (Trung tâm đánh giá rủi ro ATTP quốc gia – China National Center for Food Safety Risk Assessment (CFSRA) trực thuộc Ủy ban Y tế quốc gia); Nhật Bản (Ủy ban ATTP - The Food Safety Commission of Japan (FSCJ) trực thuộc Chính phủ); châu Âu (Cơ quan ATTP châu Âu – European Food Safety Authority (EFSA)); Đức (Viện đánh giá rủi ro Liên bang Đức (BfR) – là một tổ chức độc lập cấp liên bang về khoa học); nhiều quốc gia khác tổ chức cơ quan đánh giá nguy cơ trực thuộc một cơ quan chính phủ hoặc thuộc bộ (Pháp, Hàn Quốc, Vương quốc Anh...)

2.2. Lý do

- Đã được Chính phủ thông qua chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Luật ATTP sửa đổi.
- Phù hợp với thực tiễn quản lý.
- Đối với những nhóm cần kiểm soát chặt hơn phải có biện pháp quản lý chặt chẽ hơn những nhóm thực phẩm thông thường.
- Phù hợp với xu thế quản lý chung của thế giới như phương thức quản lý thực phẩm của Trung Quốc, Canada, Nhật...

2.3. Nội dung xin ý kiến: Quản lý các sản phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ (cao, trung bình, thấp).

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật; (4) Báo cáo về rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Luật, (5) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (6) Báo cáo tổng kết thi hành Luật An toàn thực phẩm; (7) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật; (8) Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình và bản sao ý kiến góp ý của các Bộ).

Trên đây là Tờ trình về Dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi), Bộ Y tế kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Đ/c Thứ trưởng;
- Lưu: VT, ATTP.

BỘ TRƯỞNG

Đào Hồng Lan